

Án số: 41/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-6-2018.

“V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thơm.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoàng

Ông Trần Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, mở phiên tòa xét xử công khai, vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc “V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Minh H (tên thường gọi Một), sinh năm 1979.

Địa chỉ: số nhà 472, tổ 15, ấp L, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Phan Hòa T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số nhà 472, tổ 15, ấp L, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05-01-2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C (Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 07/4/1998). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau 3 năm chung sống anh T đi làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, chị H về nhà mẹ ruột tại ấp 2, xã P, huyện C và làm công nhân tại Công ty V. Chị H ở nhà nuôi con một mình, anh T đi làm nhưng không gửi tiền phụ giúp gia đình lo cho con. Năm 2013 chị H thuyết phục anh T về lo phụ nuôi con, nhưng sau đó vợ

chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2015 anh T trở lại thành phố Hồ Chí Minh và không quan tâm đến gia đình. Tháng 11/2016 anh T về chung sống với chị H tại xã P. Kể từ khi kết hôn đến nay anh T đưa được 7.000.000 đồng vào ngày 17/01/2017, sau khi vợ chồng mâu thuẫn anh T đòi lại tiền, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ngày 22/02/2017 chị H đã nộp đơn xin ly hôn nhưng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay anh T vẫn không thay đổi.

Nay chị Nguyễn Thị Minh H yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hòa T.

Về con chung: chị H và anh T có sinh được 02 con chung tên Phan H1, sinh ngày 22/10/1998 và Phan Th, sinh ngày 25/6/2014. Hiện nay, con chung Phan H1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Phan Th đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Phan Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Hòa T: đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Phan Hòa T có địa chỉ tại xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, anh Phan Hòa T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 1998 nên là hôn nhân pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa chị H trình bày từ đầu năm 2015 anh T không bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay anh T không còn quan tâm đến chị và con, vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm. Đối với anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôn nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do và không có nộp văn bản ý kiến cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị

H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: chị H và anh T có sinh được 02 con chung tên Phan H1, sinh năm 1998; Phan Th, sinh ngày 25/6/2014. Hiện nay con chung đang sống với chị H. Đối với con chung Phan H1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Th và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, trong khoảng thời gian chị H và anh T sống xa nhau cháu Th sống chung với chị H, con chung đã có cuộc sống ổn định, con chung cần được sự chăm sóc của người mẹ là điều kiện cần thiết cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu cho đến tuổi trưởng thành nên chấp nhận yêu cầu của chị H, tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Đối với con chung tên Phan H1 đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh H. Chị Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với anh Phan Hòa T.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Th, sinh ngày 25/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Minh H tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện nay con chung đang sống với chị H.

Đối với con chung tên Phan H1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04816 ngày 17/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Anh Phan Hòa T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS TPCL;
- Tòa án ND tỉnh ĐT;
- Lưu: HSVA(D).

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm